

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 164/2025/DS-PT

Ngày: 06/3/2025

V/v tranh chấp: “Yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng; Chia tài sản hộ gia đình; Chia di sản thừa kế; Yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Vĩnh Hữu.

Các Thẩm phán: Bà Lâm Ngọc Tuyên.

Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Vân - Thư ký.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 27 tháng 02 và ngày 06 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 32/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 01 năm 2025 về việc tranh chấp “Yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng; Chia tài sản hộ gia đình; Chia di sản thừa kế; Yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu”;

Do bản án dân sự sơ thẩm số 90/2024/DSST, ngày 19/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐ-PT ngày 20/01/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị N, sinh năm 1946;

Địa chỉ: Ấp H, ấp C, xã N, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh;

Chỗ ở hiện nay: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Thanh T, sinh năm 1972; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ và lợi ích hợp pháp của bà N: Luật sư Trần Thanh K – Thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt)

Địa chỉ: 3 - X, Phường B, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Nguyễn Thanh N1, sinh năm 1979; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, ấp C, xã N, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện theo ủy quyền của ông N1:

Nguyễn Thành Duy V, sinh năm 1986; (vắng mặt)

Địa chỉ: A, N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Thanh M (Mỹ), sinh năm 1966;

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Nguyễn Thị Mỹ T1 (T2), sinh năm 1968; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp F, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T1:

Luật sư – Trần Thị Thảo V1 – thuộc Đoàn luật sư tỉnh T;

Địa chỉ: Ấp F, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

Nguyễn Thanh T, sinh năm 1972; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Nguyễn Thị Ánh L1 (Anh L1), sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

Nguyễn Thị Ánh M1, sinh năm 1976; (có mặt)

Nguyễn Thị Vân A, sinh năm 2007;

Đại diện theo pháp luật của Vân A: Nguyễn Thị Ánh M1, sinh năm 1976;

Cùng địa chỉ: Ấp H, ấp C, xã N, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ liên lạc: 62 – Nhị Bình - A, ấp A, xã N, huyện H, thành phố Hồ chí Minh.

Nguyễn Thị Ánh V2, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

Nguyễn Thị Thanh N2, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Số C - L, Phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Phòng C1 - Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện theo pháp luật: Đỗ Thiện C – Chức vụ: Trưởng phòng;

Đại diện theo ủy quyền: Trần Bảo T3, sinh 1976; (có văn bản xin vắng)

Địa chỉ: Số D, đường N, Phường F, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Cao Thị T4, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thanh M, Nguyễn Thị Ánh V2, Nguyễn Thị Ánh L1, Nguyễn Thị Thanh N2, Cao Thị T4:

Nguyễn Thanh T, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*. Người kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Thanh N1 có đại diện theo ủy quyền là Nguyễn Thành Duy V; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Mỹ

T1 (Tỉnh);

*. Kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân huyện C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Thanh T trình bày: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T5 kết hôn nhau vào năm 1965 không có đăng ký kết hôn, đến ngày 04/10/2019 ông T5 đã chết do bệnh. Lúc sinh thời vợ chồng có tạo lập được 02 thửa đất 241, diện tích 1711,99m² và 264, diện tích 3996,6m² cùng tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang do ông T5 đại diện hộ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trước khi chết ông T5 không đề cập gì đến tài sản chung vợ chồng, không bàn bạc để lại di chúc cho ai. Khi ông T5 chết thì bà Nguyễn Thị Mỹ L là con quản lý canh tác 02 thửa đất từ đó cho đến nay. Gia đình sau đó có thỏa thuận phân chia di sản thừa kế thì ông Nguyễn Thanh N1 không đồng ý. Tháng 3/2020, gia đình bà có nhờ Ủy ban nhân dân xã P hòa giải thì ông N1 đưa ra bản di chúc lập ngày 30/11/2017, được lập tại Phòng C1, Thành phố Hồ Chí Minh, nội dung di chúc để lại toàn bộ 02 thửa đất trên cho ông N1 nên gia đình không thể thương lượng thỏa thuận được. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

Tuyên bố di chúc do ông Nguyễn Văn T5 lập ngày 30/11/2017 tại Phòng C1, thành phố Hồ Chí Minh là vô hiệu.

Chia tài sản chung hộ gia đình là 02 thửa đất 241, 264 nêu trên cho ông T5 và bà Nguyễn Thị Mỹ L mỗi người được hưởng diện tích 2854,25m² (5708,5m²/2);

Chia tài sản chung vợ chồng bà N, ông T5 là diện tích 2854,25m² cho ông T5, bà N mỗi người được hưởng 1427m².

Chia di sản thừa kế của ông T5 là diện tích 1427m² cho hàng thừa kế thứ 1 gồm: Nguyễn Thị N, Nguyễn Thanh M, Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị Mỹ T1, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị Ánh L1, Nguyễn Thị Ánh M1, Nguyễn Thị Ánh V2, Nguyễn Thị Thanh N2, Nguyễn Thanh N1 mỗi người nhận 1 kỷ phần là diện tích 142,7m².

* *Đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Thành Duy V trình bày:* Yêu cầu Tòa án công nhận di chúc số 27932, ngày 30/11/2017 do ông Nguyễn Văn T5 lập tại Phòng C1, Thành phố Hồ Chí Minh, để lại di sản của ông T5 là 02 thửa đất 241, 264 cho ông Nguyễn Thanh N1. Không đồng ý chia di sản thừa kế, chia tài sản chung, chia tài sản hộ theo yêu cầu của nguyên đơn cùng yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Nguồn gốc di sản trong di chúc là từ cha mẹ ông T5 để lại cho ông T5, nên đây là tài sản riêng của ông T5.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ L có yêu cầu độc lập:* Yêu cầu phân chia 02 thửa đất nêu trên có tổng diện tích là 5708,5m² cho hộ gia đình gồm Nguyễn Thị Mỹ L và ông Nguyễn Văn T5, mỗi người được

hưởng diện tích 2854,25m²; Yêu cầu chia di sản thừa kế của ông T5 là diện tích 1427m² cho hàng thừa kế thứ 1 của cụ mỗi người được hưởng 01 phần bằng nhau.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Nguyễn Thị Thanh N2, Nguyễn Thị Ánh V2, Nguyễn Thị Ánh L1, Nguyễn Thanh T trình bày:* Yêu cầu chia di sản thừa kế của ông T5 là diện tích 1427m² cho hàng thừa kế thứ 1 của ông T5.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Nguyễn Thanh T, Cao Thị T4 có yêu cầu độc lập trình bày:* Chia tài sản hộ gia đình là 02 thửa đất 241, 264 cho 04 thành viên hộ là Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn T5, Cao Thị T4 mỗi người được hưởng diện tích $5708,5\text{m}^2/4 = 1427\text{m}^2$.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Nguyễn Thị Ánh M1, Nguyễn Thị Mỹ T1 trình bày:* Công nhận di chúc số 27932, lập ngày 30/11/2017 do ông Nguyễn Văn T5 lập tại Phòng C1, thành phố Hồ Chí Minh, để lại di sản của ông T5 là 02 thửa đất 241, 264 cho ông Nguyễn Thanh N1; Thực hiện di nguyện của người đã khuất để lại 02 thửa đất 241, 264 cho ông Nguyễn Thanh N1.

Bản án dân sự sơ thẩm số 90/2024/DSST, ngày 19/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 5, 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 266, 273, 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 212, 213, 216, 218, 618, 624, 625, 626, 627, 628, 630, 631, 632, 634, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 166 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N có đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Thanh T về yêu cầu tuyên bố di chúc lập ngày 30/11/2017 của ông Nguyễn Văn T5 lập tại Phòng C1, Thành phố Hồ Chí Minh là vô hiệu và chia di sản thừa kế theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn T5 gồm: bà Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị Mỹ T1, Nguyễn Thị Ánh V2, Nguyễn Thị Ánh M1, Nguyễn Thị Thanh N2, Nguyễn Thị Ánh L1, Nguyễn Thanh T và Nguyễn Thanh N1 là $\frac{1}{2}$ giá trị 02 thửa đất 214, 264, tờ bản đồ số 19, tổng diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 5708,5m² diện tích đo đạc thực tế là 5707,5m², tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang do ông Nguyễn Văn T5 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Buộc bà Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ hoàn trả giá trị kỷ phần cho bà Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị Mỹ T1, Nguyễn Thị Ánh V2, Nguyễn Thị Ánh M1, Nguyễn Thị Thanh N2, Nguyễn Thị Ánh L1, Nguyễn Thanh T và Nguyễn Thanh N1 mỗi người là 116.654.000đồng. Thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành có đơn yêu cầu thi hành án nếu người có nghĩa vụ thi hành chậm thi hành đối với phần tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Bà Nguyễn Thị N được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được kê khai và đứng tên 02 thửa đất 241, 264 ngay sau khi đã thực hiện trả tiền xong kỷ phần thừa kế cho 08 đồng thừa kế còn lại.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị N về yêu cầu phân chia 02 thửa đất số 241, 264 cho 02 thành viên hộ gia đình là Nguyễn Thị Mỹ L và ông Nguyễn Văn T5.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng bà N và ông T5 mỗi người được diện tích 1427m².

Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của các ông bà Nguyễn Thị Ánh V2, Nguyễn Thị Thanh N2, Nguyễn Thị Ánh L1, Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thanh T về yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Mỹ T1, Nguyễn Thị Ánh M1 về yêu cầu công nhận toàn bộ di chúc lập ngày 30/11/2017 của ông Nguyễn Văn T5 và giao toàn bộ di sản thừa kế là 02 thửa đất tranh chấp cho ông Nguyễn Thanh N1.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Mỹ L về yêu cầu chia tài sản hộ gia đình cho bà và ông T5 mỗi người $\frac{1}{2}$ 02 thửa đất tranh chấp.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của bà Cao Thị T4, ông Nguyễn Thanh T về yêu cầu chia tài sản hộ gia đình là 02 thửa đất tranh chấp cho 4 thành viên gồm: Ông T5, ông T, bà T4 và bà L.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị N được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi.

Các ông bà Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị Mỹ T1, Nguyễn Thị Ánh V2, Nguyễn Thị Ánh M1, Nguyễn Thị Thanh N2, Nguyễn Thị Ánh L1, Nguyễn Thanh T và Nguyễn Thanh N1 mỗi người phải chịu 5.832.000đồng.

Cần trừ đối với bà V2, N2, L1, L, T mỗi người 520.200đ theo các biên lai thu tạm ứng án phí số 0006105, 0006102, 0006101, 0006103, 0006104, ngày 11/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, nên mỗi người còn phải nộp tiếp 5.311.800đồng.

Bà Nguyễn Thị Mỹ T1, Nguyễn Thị Ánh M1 phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu độc lập không được chấp nhận.

H lại bà Cao Thị T4, ông Nguyễn Thanh T mỗi người số tiền 13.127.000đồng theo các biên lai thu số 0016577, 0016578, ngày 17/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Ngoài ra bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí, lệ phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự;

Ngày 27/7/2024, đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Thanh N1 là Nguyễn Thành Duy V kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 90/2024/DSST, ngày 19/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện C.

Ngày 01/8/2024, Nguyễn Thị Mỹ T1 (Tĩnh) kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 90/2024/DSST, ngày 19/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện C.

Viện kiểm sát nhân dân huyện C kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm số 90/2024/DSST, ngày 19/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện C theo Quyết định kháng nghị số 03/QĐ-VKS ngày 02/8/2024.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn Nguyễn Thanh N1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Mỹ T1 kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T1 đưa ra nhiều luận cứ cho rằng cho rằng thửa đất 241 và thửa đất 264 là tài sản chung của bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T5, trước khi ông T5 chết ông T5 có lập di chúc vào ngày 30/11/2017, ông T5 không bị mất năng lực hành vi như tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định. Do đó, đề nghị công nhận di chúc ngày 30/11/2017 và chia di sản của ông T5 theo di chúc nên một phần hai diện tích thửa đất 241 và thửa đất 264 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Thành N3.

Nguyên đơn Nguyễn Thanh Toán cũng là đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thanh M, Nguyễn Thị Ánh V2, Nguyễn Thị Ánh L1, Nguyễn Thị Thanh N2, Cao Thị T4 đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị N đưa ra nhiều luận cứ cho rằng nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là phù hợp nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N3, bà T1, giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự;

Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang đưa ra nhiều luận cứ như đã nhận định trong Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C và đề nghị chấp nhận Quyết định Kháng nghị số 03/QĐ-VKS-DS ngày 02/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, hủy bản án dân sự sơ thẩm. Do Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang đề nghị hủy án sơ thẩm nên kháng cáo của những người kháng cáo chưa xem xét và đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Tòa án nhận định:

[1]. Xét quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hạn kháng cáo, sự có mặt, vắng mặt của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị N thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp “Chia tài sản thuộc sở hữu chung và di sản thừa kế là quyền sử dụng đất” được quy định tại Điều 219, Điều 612 Bộ luật dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 2, 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào đơn kháng cáo của những người kháng cáo và biên lai nộp tạm ứng án phí phúc thẩm thì những người kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Quyết định kháng nghị số 03/QĐ-VKS-DS ngày 02/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C thì Viện kiểm sát nhân dân huyện C kháng nghị bản án sơ thẩm trong thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xét trong quá trình thụ lý vụ án và chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự, đại diện theo ủy quyền của Phòng C1 - thành phố Hồ Chí Minh có văn bản xin vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Xét Quyết định kháng nghị số 03/QĐ-VKS-DS ngày 02/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Quyết định kháng nghị số 03/QĐ-VKS-DS ngày 02/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C thì kháng nghị Viện kiểm sát nhân dân huyện C hai nội dung như sau:

[2.1]. Tòa án cấp sơ thẩm xác minh, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ về việc nguyên đơn Nguyễn Thị N từ ngày 31/7/1986 đã xóa sổ hộ khẩu chuyển về huyện M, tỉnh Long An và bà N đã nhập hộ khẩu về xã P, huyện C ngày 21/11/2022, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào chứng cứ và lời thừa nhận của các đương sự thì việc bà Nguyễn Thị N về huyện M, tỉnh Long An năm 1986 là nhận đất từ cha mẹ ruột cho và phải có hộ khẩu thường trú tại huyện M, tỉnh Long An;

Ông Nguyễn Văn T5 và bà Nguyễn Thị N kết hôn năm 1965, không có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân thực tế, tình trạng vợ chồng giữa bà N và ông Nguyễn Văn T5 vẫn tồn tại. Do đó, việc bà N không có mặt tại xã P, huyện C thì cũng không ảnh hưởng đến tài sản của vợ chồng hình thành trong thời kỳ hôn nhân, vì tài sản chung của vợ chồng có thể có nhiều nơi khác nhau;

Việc Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác định rõ Nguyễn Thanh M hay “Nguyễn Thanh M2” có cùng là một người hay không. Tuy nhiên, bà N cũng như hàng thừa kế của thứ nhất của ông T5 đều thừa nhận Nguyễn Thanh M hay Nguyễn Thanh M2 cùng là một người đều là con của bà N và ông T5

Vì thế căn cứ này của Viện kiểm sát nhân dân đưa ra chưa phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[2.2]. Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ không khách quan, toàn diện, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xét về nguồn gốc thửa đất 241, diện tích 1.711,99m² và thửa đất 264, diện tích 3.996,6m² cùng tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông Nguyễn Văn T5 (Tiếng) và bà Nguyễn Thị N kết hôn vào năm 1965, không có đăng ký kết hôn theo quy định tại NQ35/2000/NQ-QH10, ngày 09/6/2000 hôn nhân được xác lập trước ngày 03/01/1987 là hôn nhân thực tế;

Đến năm 1975, ông T5 được cha mẹ ruột ông T5 tặng cho 02 thửa đất hiện tại đang tranh chấp. Tại thời điểm này, ông T5, bà N có 07 người con (lớn nhất 8 tuổi);

Năm 1991, ông T5 đi đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ lần đầu vào năm 1999 là thửa 1583 diện tích 3.880m² và thửa 1469 diện tích 1.867m²;

Năm 2009, ông T5 được đổi cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với số thửa mới là 264, diện tích 3.996,6m² và thửa 241, diện tích 1.711,9m² do ông Nguyễn Văn T5 đại diện hộ đứng tên.

Do đó, có căn cứ xác định thửa đất 241 và thửa đất 264 là tài sản chung của bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T5 được hình thành trong thời kỳ hôn nhân;

Vì thế ông T5, bà N mỗi người được một phần hai trong diện tích các thửa đất 241, 264.

Tuy nhiên tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định: “....Lời trình bày này của bà N là có căn cứ, bởi lẽ những người sống cùng địa phương là ông Nguyễn Văn T6, sinh năm 1958, Nguyễn Thị Hồng V3, sinh năm 1977, Nguyễn Văn T7, sinh năm 1968, Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1964 là những hộ giáp ranh nhà và trưởng ấp P xác nhận những người sinh sống cùng địa phương đều biết rõ sức khỏe tinh thần không minh mẫn của ông T5, cụ thể là ông T5 thời điểm từ năm 2011 đến trước thời điểm lập di chúc, ông T5 đã nhiều lần có hành vi dùng dao đe dọa những người qua đường và rượt đuổi chém vợ con dẫn đến việc có nhờ chính quyền địa phương giải quyết hòa giải về hành vi bạo lực gia đình của ông T5....”

... và Tòa án cấp sơ thẩm có trích dẫn:

“Tại Mục 15 Phần III, Công văn số 196/TANDTC-PC ngày 03/10/2023 của Tòa án nhân dân tối cao thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong công tác xét xử “....việc định đoạt tài sản chung của vợ chồng là bất động sản phải do hai vợ chồng thỏa thuận hoặc phải có sự thỏa thuận bằng văn bản của vợ chồng. Do đó, trong trường hợp vợ chồng không có thỏa thuận định đoạt tài sản chung hoặc không có văn bản thỏa thuận phân chia tài sản; chỉ có một bên vợ hoặc chồng tham gia ký kết hợp đồng tặng cho, chuyển nhượng, thế chấp... bên còn lại không tham gia ký kết, không đồng ý thì hợp đồng đó vô hiệu toàn

bộ... ”.

Luận cứ trên của Tòa án cấp sơ thẩm là không có cơ sở: Bởi vì tại thời điểm ông Nguyễn Văn T5 xác lập di chúc ngày 30/11/2017, không có quyết định của cơ quan có thẩm quyền nào tuyên bố ông Nguyễn Văn T5 là người bị hạn chế hay mất năng lực hành vi dân sự;

Căn cứ vào Mục 15 Phần III, Công văn số 196/TANDTC-PC ngày 03/10/2023 của Tòa án nhân dân tối cao thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong công tác xét xử mà Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định: “ ... chỉ có một bên vợ hoặc chồng tham gia ký kết hợp đồng tặng cho, chuyển nhượng, thế chấp... bên còn lại không tham gia ký kết, không đồng ý thì hợp đồng đó vô hiệu toàn bộ... ” và áp dụng để giải quyết trong vụ án là không chính xác bởi vì ông Nguyễn Văn T5 không có tặng cho, thế chấp,.. mà là thực hiện quyền lập di chúc đối với phần tài sản của ông T5;

Như đã nhận định trên, đây là tài sản chung của ông T5 và bà N nên ông T5 có quyền quyết định một phần hai thửa đất 241 và thửa đất 264 khi còn sống cho nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố di chúc ngày 30/11/2017 vô hiệu là không có cơ sở.

Nội dung di chúc ngày 30/11/2017 thể hiện ông Nguyễn Văn T5 để lại di sản cho ông Nguyễn Thanh N1 là toàn bộ phần nào thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn T5 trong hai thửa đất 241 và thửa đất 264;

Cho nên xét về nội dung, hình thức của di chúc ngày 30/11/2017 không vi phạm điều cấm, trái đạo đức xã hội và không vượt quá phần tài sản của ông T5 đã định đoạt lúc còn sống;

Ngoài ra trong hai thửa đất trên, thửa đất 241 có đất ở là 300m², trên phần đất này có nhà của ông T5 xây dựng. Sau khi ông Nguyễn Văn T5 chết ngày 04/10/2019, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Mỹ L, ông Nguyễn Thanh T, bà Cao Thị T4 đang quản lý, sử dụng;

Từ ngày 04/10/2019 đến hiện tại, bà Nguyễn Thị Mỹ L, ông Nguyễn Thanh T, bà Cao Thị T4 có trồng cây trên đất và bồi thổ, tôn tạo đất nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành định giá cây trồng trên đất, công sức cải tạo đất,...;

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không có yêu cầu đo đạc, định giá lại sản nên Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được những thiếu sót này nên cần phải hủy án sơ thẩm để điều tra, thu thập chứng cứ và xét xử lại vụ án theo thủ tục chung.

Đối với kháng nghị về phần này của Viện kiểm sát nhân dân huyện C là có căn cứ chấp nhận.

Vì thế, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng nghị về việc hủy bản án sơ thẩm nên kháng cáo của những người kháng cáo chưa đặt ra xem xét.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Trả lại án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[4]. Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 148; khoản 3 Điều 308; Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: 1. Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị số 03/QĐ-VKS-DS ngày 02/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C.

Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 90/2024/DSST, ngày 19/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà ông Nguyễn Thanh N1, bà Nguyễn Thị Mỹ T1 mỗi người đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002969, ngày 29/7/2024 và biên lai thu số 0002997, ngày 05/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 09 giờ ngày 06/3/2025, có mặt ông T và luật sư V3.

***. Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- THADS huyện C;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Vĩnh Hữu